

Báo cáo Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Tài chính

Hà Nội, Tháng 9/2024

Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính

**Bất ổn toàn cầu có xu hướng giảm đi
với kinh tế Mỹ vững vàng và EU hồi
phục từ từ. Việt Nam cần thúc đẩy
nhu cầu nội địa và đầu tư Chính phủ
nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững**

◆ PHẦN 1

TÓM TẮT

◆ PHẦN 2

KINH TẾ THẾ GIỚI

◆ PHẦN 3

KINH TẾ VIỆT NAM

◆ PHẦN 4

PHỤ LỤC

Tóm tắt

➤ Kinh tế Thế giới:

- Căng thẳng và bất ổn toàn cầu có xu hướng giảm đi trong bối cảnh các nền kinh tế phát triển trên thế giới có kết quả tăng trưởng Q2/24 cải thiện.
- Nền kinh tế Mỹ vững vàng với số liệu tăng trưởng tốt hơn và nhu cầu người tiêu dùng vẫn ổn định. Tuy nhiên, ngành sản xuất Mỹ vẫn còn nhiều thách thức với giá trị sản xuất công nghiệp giảm 0,2% YoY và chỉ số sản xuất ISM PMI trì trệ ở mức 47,2.
- Kịch bản hạ cánh mềm của Mỹ có nhiều khả năng xảy ra hơn nhờ thị trường lao động hạ nhiệt dần dần và lộ trình hướng tới mục tiêu lạm phát 2% trở nên rõ ràng hơn.
- Tại EU, nhu cầu của người tiêu dùng ảm đạm, thể hiện qua mức tăng trưởng bán lẻ giảm 0,2% YoY, và chỉ số niềm tin của người tiêu dùng giảm nhẹ.
- Phía cung của nền kinh tế EU cho thấy những tín hiệu trái chiều: ngành công nghiệp phải đối mặt với nhiều thách thức, trong khi ngành dịch vụ vẫn mạnh mẽ.
- ECB có khả năng sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất nhằm góp phần phục hồi kinh tế EU, đặc biệt là khi lạm phát đang trong xu hướng giảm đáng kể và nhu cầu tiêu dùng vẫn trì trệ.

➤ Kinh tế Việt Nam:

- Việt Nam đã ghi nhận cán cân thương mại đạt 4,5 tỷ USD trong tháng 8, mức cao nhất kể từ tháng 8 năm 2020, nhờ xuất khẩu của doanh nghiệp trong nước tăng 20% YoY liên tiếp ba tháng qua. Hoạt động thương mại dự kiến tiếp tục phục hồi, nhờ sự cải thiện vừa phải từ nhu cầu toàn cầu.
- Miền Bắc Việt Nam đang phải đối mặt với cú sốc cung tổng hợp từ Siêu bão Yagi và lũ lụt sau đó. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn lạc quan rằng triển vọng của ngành sản xuất sẽ được cải thiện và tác động của thảm họa này là không lớn.
- Tăng trưởng doanh số bán lẻ thực tiếp tục chậm lại đáng kể trong ba tháng qua, đạt 4,6% trong tám tháng đầu năm.
- Chúng tôi chưa thấy sự phục hồi mạnh mẽ của giải ngân đầu tư công.
- Trong thời gian tới, mặc dù thảm họa thiên nhiên gần đây ở miền Bắc Việt Nam có thể đẩy giá các mặt hàng thực phẩm như rau, trái cây và hải sản lên cao do nguồn cung hạn chế, chúng tôi kỳ vọng tác động chung đến lạm phát sẽ không quá lớn, với tỷ lệ lạm phát vẫn ở mức khoảng 3% trong thời gian còn lại của năm.
- Tỷ giá USD/VND đã giảm mạnh trong thời gian qua, dự kiến sẽ biến động trong ngắn hạn do những bất ổn toàn cầu. Tuy nhiên, đến cuối năm, VND có thể bớt chịu áp lực mất giá do kiều hối.
- Lãi suất tiền gửi dự kiến sẽ tăng nhẹ vào cuối năm khi nền kinh tế tiếp tục phục hồi.

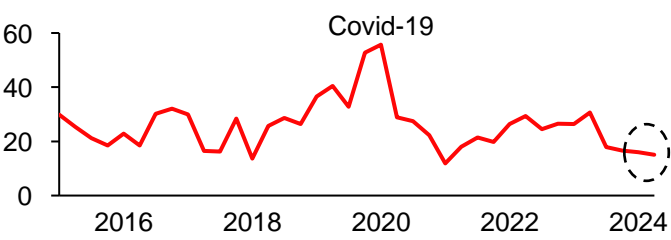
Kinh tế thế giới

Những diễn biến gần đây cho thấy tình trạng bất ổn toàn cầu đã giảm bớt, khi tăng trưởng kinh tế các nước phát triển cải thiện. Kịch bản hạ cánh mềm của Mỹ có nhiều khả năng xảy ra hơn nhờ thị trường lao động dần dần hạ nhiệt và lạm phát đi đúng kỳ vọng. EU phải đối mặt với nhu cầu tiêu dùng tăng chậm, dẫn đến khả năng tiếp tục hạ lãi suất được coi là cần thiết cho sự phục hồi kinh tế của khu vực.

Căng thẳng và bất ổn toàn cầu có xu hướng giảm đi trong bối cảnh các nền kinh tế lớn trên thế giới có kết quả tăng trưởng tốt hơn

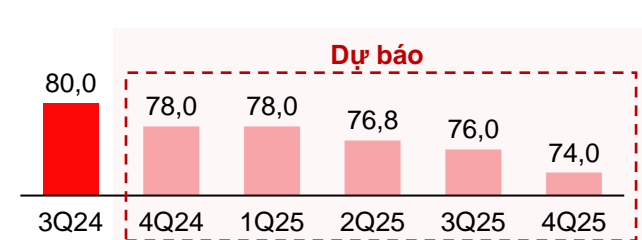
Những diễn biến gần đây trong tháng 8 cho thấy tình trạng bất ổn toàn cầu đã được giảm bớt, phần lớn do tăng trưởng các nền kinh tế phát triển được cải thiện. Theo IMF, tăng trưởng GDP của các nền kinh tế phát triển tăng lên 1,7% so với cùng kỳ (YoY) trong quý 2 năm 2024 (Q2/24) từ mức 1,6% trong Q1/24, phản ánh sự cải thiện và ổn định tài chính. Hơn nữa, Chỉ số bất ổn thế giới (WUI), đo lường mức độ bất ổn kinh tế toàn cầu, cho thấy xu hướng giảm trong số liệu công bố mới nhất. Ngoài ra, Chỉ số biến động CBOE (VIX), đánh giá kỳ vọng của thị trường về biến động cổ phiếu Mỹ trong tương lai và thường được sử dụng làm thước đo cho tình trạng bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu, đã bắt đầu giảm và cho thấy nhà đầu tư không còn quá lo lắng trước các biến động thị trường. Nhìn chung, các chỉ số này thể hiện triển vọng kinh tế ổn định hơn và giúp củng cố niềm tin của thị trường.

Hình 1: Chỉ số bất ổn thế giới (chỉ số)



Trong bối cảnh bất ổn thế giới lắng xuống, với triển vọng rõ ràng hơn về cung và cầu dầu mỏ toàn cầu, giá dầu dự kiến sẽ suy giảm

Hình 2: Dự báo giá dầu WTI của Bloomberg (USD/thùng)



Khi sự bất ổn toàn cầu giảm bớt, triển vọng cung cầu dầu thế giới trở nên rõ ràng hơn với giá dầu dự kiến sẽ giảm. Mặc dù OPEC+ đã ngăn chặn được tình trạng dư cung dầu vào năm 2024 bằng cách lùi lịch gia tăng sản lượng, thị trường dầu toàn cầu dự kiến sẽ phải đối mặt với tình trạng cung vượt cầu trong 2025. Tình trạng dư cung đến từ nhu cầu tăng trưởng yếu hơn - dưới mức 1% toàn cầu, một phần là do sự chuyển dịch sang xe điện tại thị trường lớn như Trung Quốc. Ngoài ra, sản lượng dầu của các quốc gia không thuộc OPEC như Hoa Kỳ, Guyana và Brazil ngày càng gia tăng. Đặc biệt, theo JPMorgan dự báo, ngay cả khi OPEC+ tiếp tục hạn chế sản lượng, giá dầu vẫn có thể giảm xuống còn 60USD/thùng vào năm 2025 khi mức cung vượt xa nhu cầu.

Kinh tế thế giới (tiếp)

Nền kinh tế Mỹ vững vàng với số liệu tăng trưởng tốt hơn

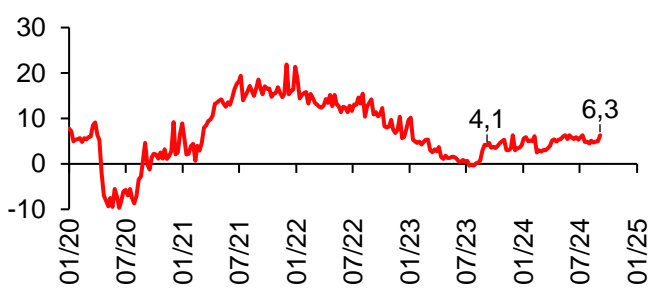
Trong Q2/24, kinh tế Mỹ cho thấy tín hiệu vững mạnh, thể hiện bởi tăng trưởng GDP được điều chỉnh từ 2,8% lên 3,0%. Sự điều chỉnh tăng này đến từ việc tiêu dùng mạnh hơn so với dự đoán ban đầu. Tổng tiết kiệm trong nước đã giảm nhẹ, từ 2,5% xuống 2,3%, trong khi con số chi tiêu tiêu dùng được điều chỉnh tăng từ 2,3% lên 2,9%. Điều này cho thấy người tiêu dùng đang giảm tiết kiệm để hỗ trợ chi tiêu. Bức tranh tổng thể cho thấy sự vững vàng, với hành vi người tiêu dùng đóng vai trò then chốt định hình quỹ đạo tăng trưởng kinh tế trong tương lai.

Nhu cầu của người tiêu dùng vẫn ổn định trong tháng Tám

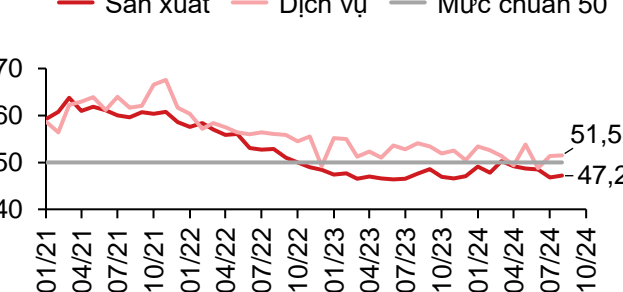
Chỉ số Sách đồ Johnson, còn được gọi là Chỉ số Sách đồ về doanh thu bán lẻ, đo lường sự thay đổi hàng tuần về doanh số bán lẻ so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số này cung cấp tổng quan về hiệu suất bán hàng của các nhà bán lẻ lớn của Hoa Kỳ trong các lĩnh vực khác nhau của ngành bán lẻ bao gồm May mặc, Sách, Đồ chơi & Sở thích, Cửa hàng bách hóa, Giảm giá, Giày dép, Đồ nội thất, Thuốc, Sửa chữa nhà cửa, Nội thất gia đình, Điện tử, Đồ trang sức, Đồ thể thao và các mặt hàng khác.

Theo Cục Thống kê Dân số Hoa Kỳ, doanh số bán lẻ cũng cho thấy những dấu hiệu vững vàng, tăng 2,7% YoY vào tháng 7. Một chỉ số khác cũng tập trung vào hoạt động bán lẻ - Chỉ số Sách đồ* tiếp tục cho thấy mức tăng ổn định vào cuối tháng 8, đạt 6,3% YoY mặc dù có mức nền cao trong năm trước, cho thấy chi tiêu của người tiêu dùng được duy trì. Hơn nữa, chỉ số niềm tin của người tiêu dùng tăng tháng thứ ba liên tiếp, phản ánh sự lạc quan về triển vọng kinh tế trong các hộ gia đình Mỹ. Những chỉ số tích cực này—doanh số bán lẻ ổn định và niềm tin của người tiêu dùng tăng—cho thấy bối cảnh nhu cầu phục hồi vững mạnh.

Hình 3: Chỉ số Sách đồ về doanh thu bán lẻ (% YoY)



Hình 4: US ISM PMI (Chỉ số)



Vẫn còn nhiều thách thức trong ngành công nghiệp Mỹ

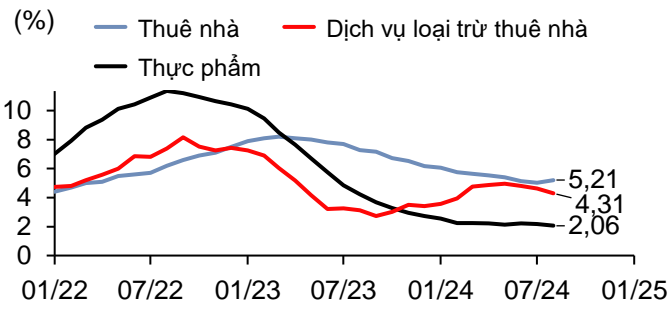
Mặc dù chỉ số ISM PMI ngành dịch vụ khá lạc quan, đạt 51,5, dữ liệu tháng 8 chỉ ra những thách thức trong lĩnh vực công nghiệp của Mỹ. Ngành công nghiệp chứng lại, thể hiện qua chỉ số ISM PMI sản xuất, vẫn ở dưới ngưỡng chuẩn 50, ghi nhận ở mức 47,2. Cả đơn đặt hàng mới và lượng sản xuất đều cho thấy ngành sản xuất sẽ tiếp tục phải đối mặt với nhiều trở ngại. Ngoài ra, giá trị sản xuất công nghiệp chứng kiến mức giảm 0,2% YoY, đánh dấu mức giảm đầu tiên trong ba tháng qua và đây là sự thay đổi đáng kể so với mức tăng 1,1% YoY được ghi nhận vào tháng 6. Do đó, tăng trưởng kinh tế Mỹ dự kiến sẽ tạm thời chậm lại, chủ yếu là do những khó khăn đến từ ngành công nghiệp.

Kinh tế thế giới (tiếp)

Con đường hướng tới mục tiêu lạm phát 2% trở nên rõ ràng hơn

Trong cuộc họp Jackson Hole tháng 8, chủ tịch Jerome H. Powell của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đã thừa nhận rằng xu hướng lạm phát đã trở nên rõ ràng hơn. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong tháng 8 tiếp tục giảm xuống 2,5% YoY. Mặc dù tốc độ tăng giá nhà ở tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước lên 5,2%, nhưng, xu hướng giảm tốc dự kiến sẽ vẫn tiếp tục kéo dài trong thời gian tới do sự sụt giảm liên tục của mức tăng trưởng chỉ số giá thuê nhà Zillow, như đã đề cập trong các báo cáo trước đây của chúng tôi ([Link báo cáo](#)). Quan trọng nhất, cấu phần lạm phát dịch vụ không bao gồm giá nhà ở vẫn duy trì xu hướng giảm, củng cố niềm tin rằng lạm phát thực sự có thể đang tiến tới mục tiêu 2% của Fed. Sự dịch chuyển này thúc đẩy niềm tin từ các nhà hoạch định chính sách về triển vọng lạc quan hơn trong việc đạt được mục tiêu lạm phát. Dự kiến CPI sắp tới trong Q4/24 có thể tăng nhẹ do hiệu ứng nền cơ sở thấp. Vì vậy, thị trường đang kỳ vọng chỉ số CPI sẽ đạt mức trung bình 2,6% trong Q4/24, góp phần tiếp tục xu hướng giảm của lạm phát.

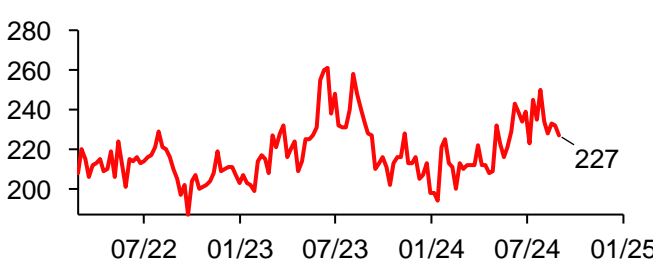
Hình 5: Cấu phần chính trong CPI Mỹ



Thị trường lao động Mỹ đang hạ nhiệt nhưng vẫn mạnh so với lịch sử

Bức tranh thị trường lao động đang thể hiện nhiều sắc thái và cần phân tích sâu hơn. Quy tắc Sahm, một chỉ số được sử dụng để dự đoán suy thoái dựa trên dữ liệu thất nghiệp, đã tăng nhẹ từ 0,53 lên 0,57 điểm phần trăm, thường có thể khiến thị trường lo ngại về khả năng xảy ra suy thoái. Tuy nhiên, riêng mức tăng này không được coi là đủ để kết luận rằng suy thoái là có thể xảy ra. Thứ nhất, tỷ lệ thất nghiệp trong tháng 8 là 4,2%, như thị trường kỳ vọng và phản ánh sự giảm nhẹ so với mức 4,3% của tháng 7, vẫn ở mức thấp theo lịch sử. Thứ hai, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đã tăng, chủ yếu là do có nhiều người tham gia lực lượng lao động hơn, đi cùng với sự sụt giảm trong các yêu cầu trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tháng 8. Thứ ba, mối liên hệ giữa số lượng việc làm đang mở và số người thất nghiệp cũng cung cấp thêm nhiều thông tin chi tiết về tình hình của thị trường lao động. Tỷ lệ việc làm đăng tuyển so với thất nghiệp vẫn ở mức trên 1, cho thấy đang có nhiều nhu cầu tuyển dụng hơn số người tìm việc. Từ đó cho thấy thị trường lao động ...

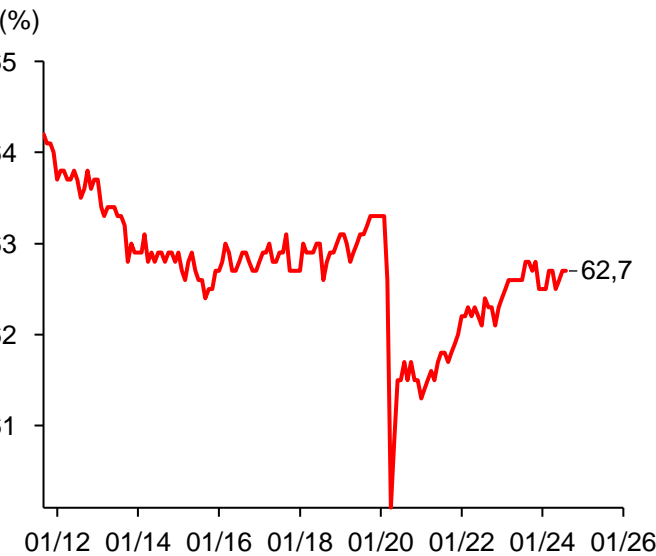
Hình 6: Yêu cầu trợ cấp thất nghiệp lần đầu của Mỹ (Nghìn yêu cầu)



Kinh tế thế giới (tiếp)

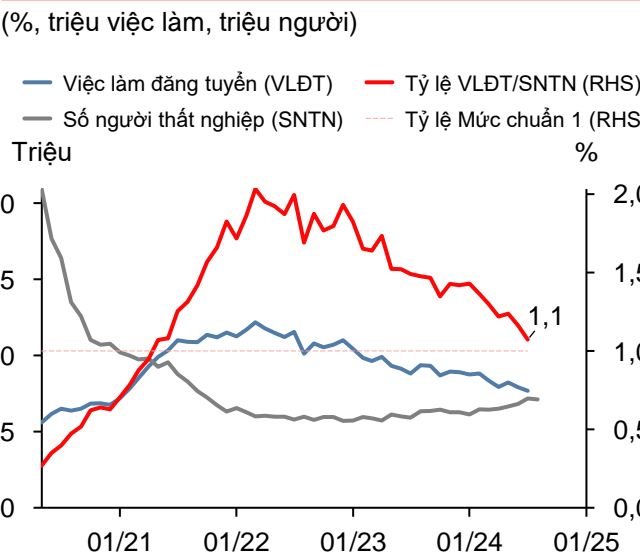
... đang điều chỉnh dần dần chứ không phải co lại đột ngột. Theo nghiên cứu của Benigno và Eggertsson chỉ ra rằng, trong lịch sử, khi số lượng việc làm đăng tuyển giảm mạnh, thị trường lao động sẽ nói lỏng dần, dẫn đến lạm phát giảm mà không có sự gia tăng mạnh về lượng người thất nghiệp, điều này thường thể hiện xu hướng hạ cánh mềm. Từ đó, các yếu tố trên cho thấy rằng thị trường lao động, mặc dù đang hạ nhiệt, vẫn kiên cường so với lịch sử.

Hình 7: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động Mỹ



Chúng tôi tiếp tục tin rằng nền kinh tế Mỹ có thể sẽ hạ cánh mềm

Hình 8: Tỷ lệ việc làm đăng tuyển so với số người thất nghiệp tại Mỹ

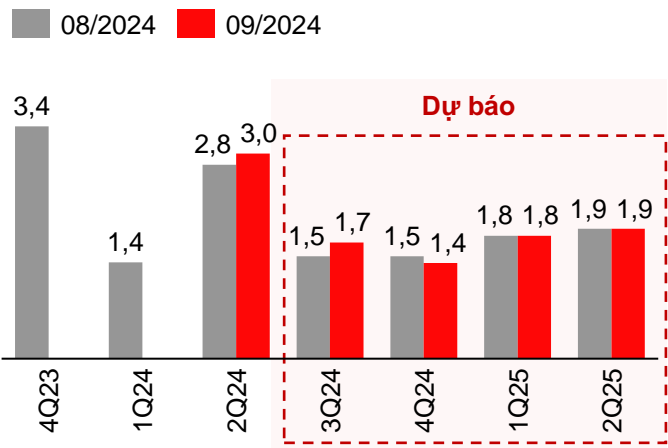


Nền kinh tế Mỹ có khả năng hạ cánh mềm, và chúng tôi vẫn giữ quan điểm rằng Fed có thể lựa chọn cắt giảm lãi suất ở mức khiêm tốn 25 điểm cơ bản (bps). Kỳ vọng này dựa trên quan sát gần đây của chúng tôi khi thấy thị trường lao động đang dần hạ nhiệt và xu hướng lạm phát đi theo kỳ vọng, gần chạm mức mục tiêu. Ngoài ra, thị trường hiện đang kỳ vọng 100% khả năng cắt giảm 25 bps và 25,8% khả năng cắt giảm 50 bps vào tháng 9. Tăng trưởng kinh tế Q2/24 đã vượt kỳ vọng, được đóng góp bởi nhu cầu tiêu dùng vững vàng bất chấp nhiều thách thức kinh tế vĩ mô, đặc biệt là thách thức từ ngành công nghiệp. Mặc dù tăng trưởng kinh tế vẫn dự kiến chậm lại trong các quý tới, nhưng tăng trưởng quý 2 được điều chỉnh tốt hơn đã khiến các nhà phân tích trên thị trường tăng nhẹ dự báo tăng trưởng GDP Mỹ. Trong bối cảnh tăng trưởng bền vững và dự kiến Fed chỉ cắt giảm lãi suất 25bps, chỉ số đô la Mỹ (DXY) được dự báo sẽ giảm dần trong dài hạn. Thị trường dự báo chỉ số DXY có thể ổn định quanh mức 102 vào quý 4 năm 2024 trước khi giảm dần xuống mức 101 vào nửa đầu năm 2025.

Kinh tế thế giới (tiếp)

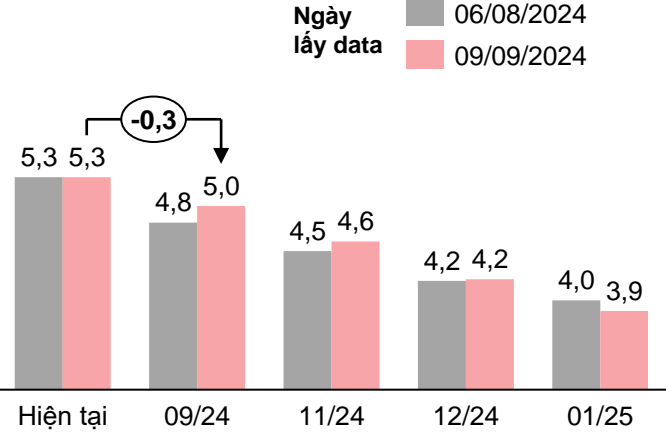
Hình 9: GDP Mỹ dự báo bởi Bloomberg

(điều chỉnh mùa vụ, theo năm, QoQ, %)



Hình 10: Kỳ vọng lãi suất của Fed

(%)

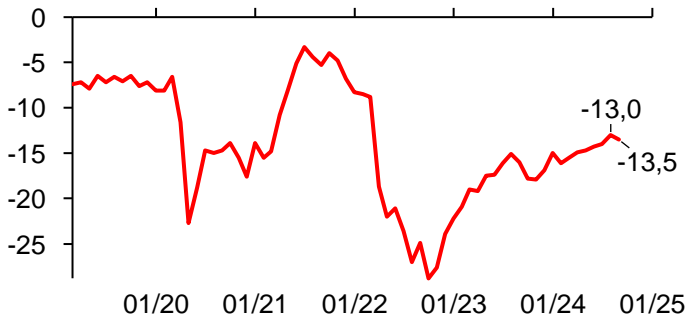


Tiêu dùng EU tăng trưởng chậm chạp

Tại EU, động lực kinh tế hiện tại phản ánh nhu cầu tiêu dùng ảm đạm. Điều này được thể hiện qua chỉ số niềm tin của người tiêu dùng đã sụt giảm nhẹ trong tháng 8 năm 2024. Tiêu dùng kém hơn cũng được phản ánh trong các con số tăng trưởng kinh tế mới được điều chỉnh. Eurostat đã điều chỉnh tăng trưởng GDP của khu vực EU Q2/24 xuống còn 0,2%, so với ước tính trước đó là 0,3%. So với cùng kỳ năm trước, tăng trưởng GDP đã điều chỉnh vẫn ổn định ở mức 0,6%, chủ yếu dẫn dắt bởi tăng trưởng tiêu dùng hộ gia đình và Chính phủ. Doanh số bán lẻ cho thấy một câu chuyện trái chiều: tăng nhẹ 0,1% MoM, nhưng khi so với cùng kỳ năm trước, doanh số giảm 0,1%. Nhìn chung, những dấu hiệu này cho thấy nền kinh tế EU đang trải qua giai đoạn nhu cầu tiêu dùng tăng trưởng chậm chạp, đặt ra những thách thức tiềm ẩn đối với việc duy trì phát triển kinh tế dài hạn. Bối cảnh này cho thấy sự mong manh trong quá trình phục hồi kinh tế, phụ thuộc rất nhiều vào hành vi tiêu dùng và sự hỗ trợ của Chính phủ.

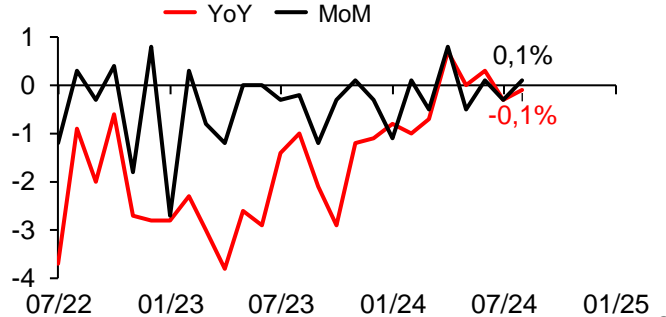
Hình 11: Niềm tin của người tiêu dùng EU

(Chỉ số)



Hình 12: Doanh số bán lẻ EU

(%)

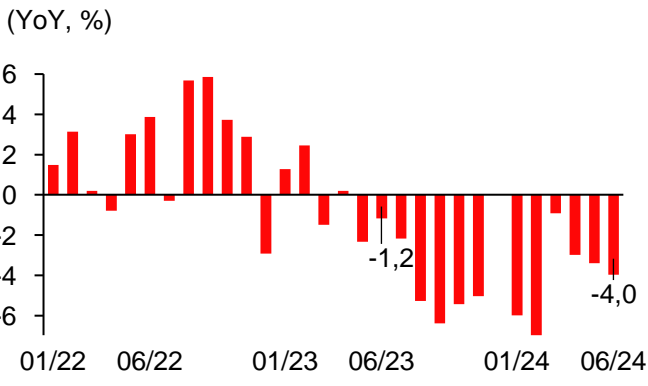


Kinh tế thế giới (tiếp)

Phía cung của nền kinh tế EU cho thấy những tín hiệu trái chiều: ngành công nghiệp phải đối mặt với nhiều thách thức, trong khi dịch vụ vẫn mạnh mẽ

Ngành công nghiệp EU tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức, thể hiện qua sự suy giảm liên tục của mức tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp trên toàn khu vực. Chỉ số HCOB PMI sản xuất trong tháng 8 năm 2024 vẫn ở mức thấp hơn nhiều so với mức chuẩn 50, ghi nhận giá trị 45,8. Con số này nhấn mạnh những khó khăn mà các nhà sản xuất đang phải đối mặt, với lượng đơn đặt hàng mới sụt giảm nhiều, đặc biệt là ở Đức và Pháp, nơi có tình hình sản xuất đã xấu đi đáng kể. Ngược lại, HCOB PMI dịch vụ cho thấy một tín hiệu lạc quan hơn, tăng lên 52,9 vào tháng 8 từ mức 51,9 của tháng trước, vượt qua kỳ vọng của thị trường. Sự gia tăng này được hỗ trợ bởi dòng vốn kinh doanh mới, chủ yếu do nhu cầu trong nước cao hơn. Do đó, PMI tổng hợp, kết hợp cả sản xuất và dịch vụ, đã cải thiện lên 51, cho thấy tình hình thị trường nói chung vẫn có phần tốt hơn. Những tín hiệu giữa sản xuất và dịch vụ cho thấy khả năng phục hồi không đồng đều trong các lĩnh vực khác nhau của EU, nhấn mạnh mức ảnh hưởng trái chiều giữa các yếu tố đến từ phía cung của nền kinh tế.

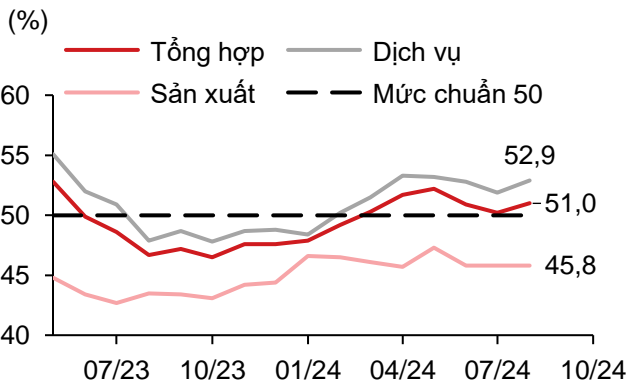
Hình 13: Tăng trưởng sản xuất công nghiệp EU



ECB có khả năng sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất khi mà điều này rất cần thiết đối với sự phục hồi của kinh tế EU

Chúng tôi tin rằng các chỉ số kinh tế hiện hành cho thấy Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) có thể tiếp tục thực hiện cắt giảm lãi suất trong các cuộc họp sắp tới, kể cả khi đã cắt 25 bps trong kỳ họp tháng 9. Trước hết, dự đoán này phần lớn được củng cố bởi xu hướng giảm gần đây của lạm phát, xuống còn 2,2% vào tháng 8 từ mức 2,6% của tháng trước. Mặc dù mức giảm lạm phát này chủ yếu là do giá năng lượng giảm đáng kể (một phần cũng do mức nền cùng kỳ năm trước), lạm phát cơ bản cũng giảm xuống còn 2,8%, đánh dấu mức thấp nhất trong bốn tháng. Do đó, lạm phát đang tiến gần đến mức mục tiêu của ECB. Hơn nữa, sự suy giảm dài hạn của giá dầu có thể gián tiếp...

Hình 14: EU PMI

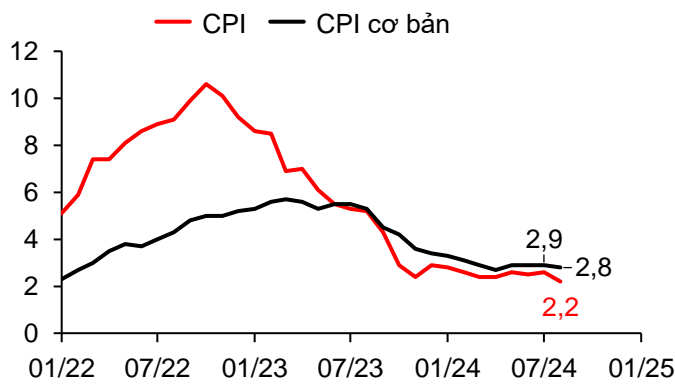


Kinh tế thế giới (tiếp)

... tác động đến lạm phát cơ bản ở EU, vì điều này giúp giảm chi phí vận chuyển và sản xuất hàng hóa, và có khả năng dẫn đến giá bán các mặt hàng thấp hơn. Thứ hai, nhu cầu tiêu dùng tại EU đang có tín hiệu suy yếu, được nhấn mạnh bởi dữ liệu được đề cập ở trên. Với những quan điểm này, ECB cần hành động nhanh chóng và quyết đoán trong các cuộc họp sắp tới. Thị trường kỳ vọng sẽ có tới hai lần hạ lãi suất nữa vào cuối năm 2024. Việc điều chỉnh chính sách tiền tệ chủ động này được coi là cần thiết để kích thích hoạt động kinh tế và bảo vệ EU trước sự trì trệ tiềm tàng do nhu cầu suy yếu trong điều kiện lạm phát lý tưởng. Với dự kiến Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ, chúng tôi tin rằng nền kinh tế EU sẽ dần phục hồi tương đối trong những quý tới.

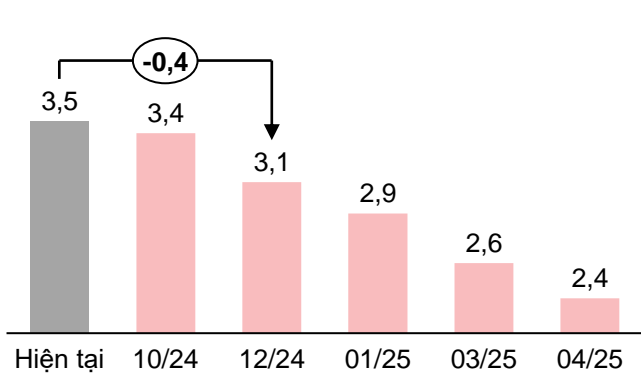
Hình 15: EU CPI

(YoY, %)



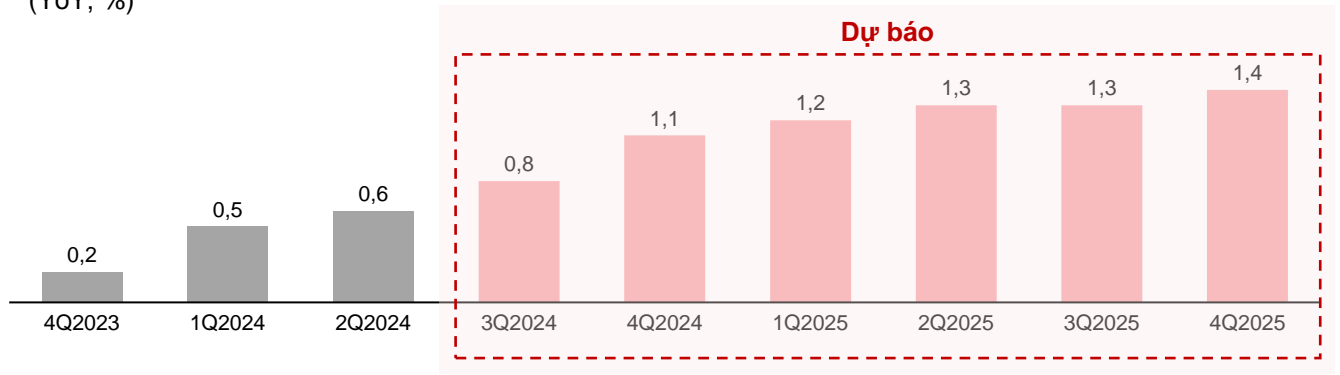
Hình 16: Kỳ vọng lãi suất của ECB

(%)



Hình 17: Tăng trưởng GDP của EU và dự báo của Bloomberg

(YoY, %)



Kinh tế Việt Nam

Dù được dự báo sẽ giảm tốc, nền kinh tế Mỹ vẫn cho thấy sự vững mạnh, trong khi nền kinh tế EU đang phục hồi vừa phải. Trong bối cảnh này, thương mại quốc tế, hoạt động sản xuất và đầu tư nước ngoài vào Việt Nam vẫn là động lực chính của nền kinh tế. Tuy nhiên, trước những bất ổn toàn cầu đang diễn ra, Việt Nam có thể cần thêm nhiều yếu tố để đạt được mức tăng trưởng bền vững hơn, đặc biệt là nhu cầu trong nước và đầu tư phát triển của Chính phủ.

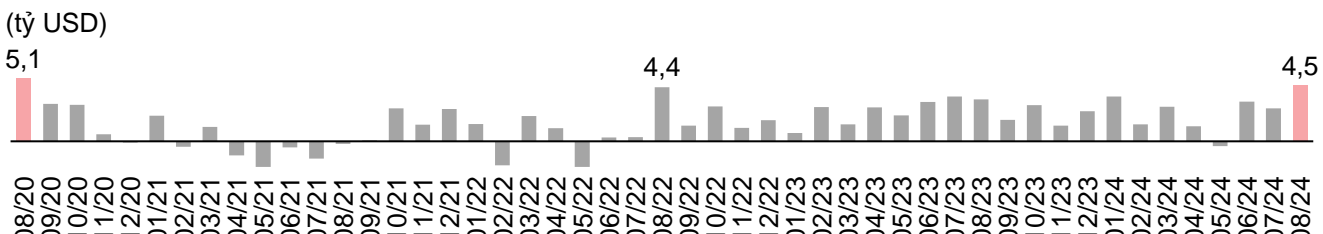
Cán cân thương mại Việt Nam đạt 4,5 tỷ USD tháng 8 vừa qua, mức cao nhất kể từ tháng 8/2020

Với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu -10% YoY trong 8 tháng đầu năm 2023, nhiều người có thể lập luận rằng sự phục hồi mạnh mẽ gần đây của hoạt động thương mại năm nay chủ yếu là do được so với mức nền thấp của năm trước. Tuy nhiên, theo dữ liệu từ Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO) và Hải quan Việt Nam, và tính toán của chúng tôi cho thấy xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2024 tăng 16% YoY, cùng với đó là mức tăng 5% so với năm 2022. Thực tế cho thấy rằng không thể phủ nhận hiện tượng này còn được thúc đẩy nhờ sự phục hồi nhu cầu quốc tế, khi nền kinh tế toàn cầu vẫn khá vững chãi.

Xuất khẩu của doanh nghiệp trong nước tăng trưởng 20% YoY trong ba tháng liên tiếp

Trong tháng 8, giá trị nhập khẩu tăng thấp hơn xuất khẩu do yếu tố mùa vụ; điều này đã giúp Việt Nam đạt được cán cân thương mại 4,5 tỷ USD, mức cao nhất kể từ tháng 8 năm 2020. Lĩnh vực sản phẩm điện tử là lĩnh vực đóng góp lớn nhất cho hoạt động thương mại, chiếm một nửa trong tổng tốc độ tăng trưởng cả xuất khẩu và nhập khẩu từ đầu năm đến nay. Đáng chú ý, mức tăng trưởng xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước đã cho thấy sự cải thiện mạnh mẽ, đạt 20% YoY trong ba tháng liên tiếp. Sự tăng trưởng này đã đóng góp đáng kể vào hiệu suất chung của ngành may mặc, dệt may, nông nghiệp và sản phẩm gỗ. Trong thời gian tới, sự phục hồi trong hoạt động thương mại dự kiến sẽ tiếp tục nhờ sự cải thiện vừa phải từ nhu cầu toàn cầu. Chẳng hạn, trong lĩnh vực dệt may, một số doanh nghiệp trong lĩnh vực này đã bắt đầu đàm phán đơn hàng xuất khẩu cho năm tới, theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam.

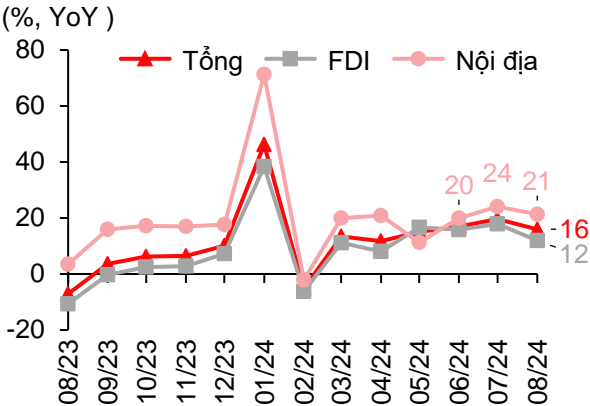
Hình 18: Cán cân thương mại hàng hóa theo tháng



Nguồn: Tổng cục Thống kê (GSO), Tổng cục Hải quan Việt Nam, TCB Market Research (1) Hải quan Việt Nam chưa công bố số liệu thương mại tháng 8 tại thời điểm viết báo cáo này nên số liệu tháng 8 là từ GSO

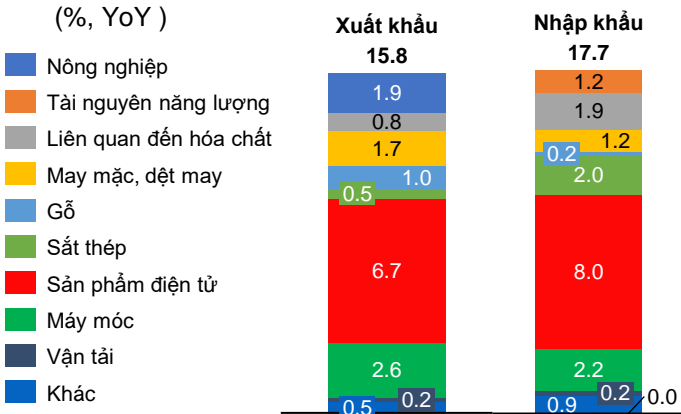
Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Hình 19: Tăng trưởng xuất khẩu theo tháng



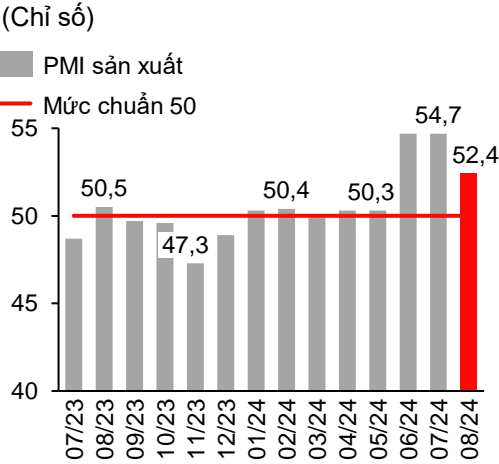
Theo S&P Global, hoạt động mua hàng tăng trưởng với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 5 năm 2022

Hình 20: Đóng góp vào tăng trưởng xuất nhập khẩu 8 tháng theo sản phẩm



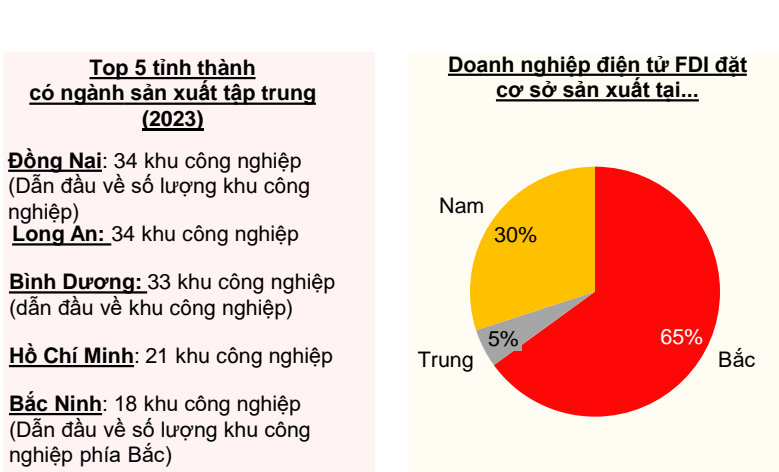
Yếu tố tích cực cũng được phản ánh trong Chỉ số Nhà quản lý Mua hàng Sản xuất (PMI), một chỉ số dẫn dắt. Chỉ số này vẫn duy trì trên mức chuẩn 50 trong 5 tháng liên tiếp, nhờ số lượng đơn đặt hàng mới tăng lên. Theo S&P Global, chỉ số trong tháng 8 (52,4) thấp hơn một chút so với con số của tháng 7 (54,7), nhưng hoạt động mua hàng đã tăng trưởng với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 5 năm 2022.

Hình 21: PMI sản xuất



Miền Bắc Việt Nam đang trải qua cú sốc tổng cung do siêu bão Yagi và lũ lụt sau đó

Hình 22: Thông tin ngành công nghiệp chế biến, chế tạo



Tuy nhiên, yếu tố tích cực có thể đến từ sự phục hồi nhu cầu toàn cầu và số lượng đơn đặt hàng tăng lên. Từ góc độ sản xuất, triển vọng có thể sẽ khác một chút. Trong hai tuần qua, miền Bắc Việt Nam đã phải hứng chịu cú sốc về tổng cung do Siêu bão Yagi và lũ lụt sau đó. Những thảm họa này đã tác động nặng nề đến lĩnh vực sản xuất, ảnh hưởng đến sản lượng đầu ra, việc làm, hoạt động cung cấp điện và vận tải, bởi chúng tác động trực tiếp đến các thành phố nơi có ngành sản xuất tập trung chủ yếu như Bắc Ninh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Giang và Thái Nguyên.

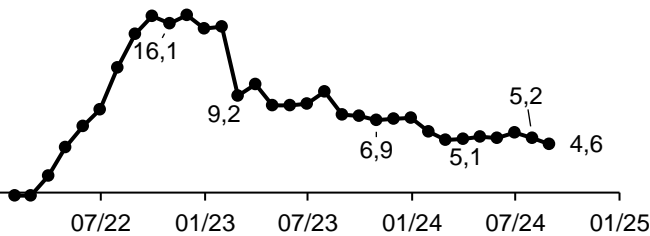
Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Hơn nữa, theo Fitch Solutions năm 2023, khoảng 65% công ty điện tử FDI chọn miền Bắc Việt Nam để đặt cơ sở. Do đó, hoạt động sản xuất sản phẩm điện tử trong tháng 9 có thể bị ảnh hưởng nhẹ, và tác động đến hoạt động thương mại quốc tế, do lĩnh vực này đóng góp đáng kể vào tăng trưởng gần đây.

Chúng tôi vẫn lạc quan rằng triển vọng chung của lĩnh vực sản xuất sẽ được cải thiện và tác động nghiêm trọng của thảm họa thiên tai này sẽ ở một mức độ hạn chế nào đó

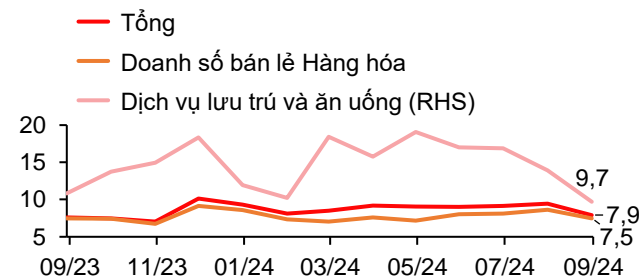
Tuy nhiên, chúng tôi vẫn lạc quan rằng triển vọng chung của lĩnh vực sản xuất sẽ cải thiện ổn định và tác động nghiêm trọng của thảm họa thiên nhiên này sẽ ở một mức độ hạn chế nào đó. Thứ nhất, trong số 5 tỉnh sản xuất hàng đầu ở Việt Nam, có 4 tỉnh nằm ở miền Nam Việt Nam, nơi cũng tập trung mạnh vào sản xuất may mặc, dệt may và điện tử. Thứ hai, theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, thời tiết phía Bắc dự báo sẽ cải thiện bắt đầu từ ngày 12/9. Cuối cùng, toàn bộ hệ thống chính trị đã tham gia vào nỗ lực dự báo và quản lý thảm họa thiên tai này ngay từ giai đoạn đầu, điều mà chúng tôi tin rằng đã giảm thiểu đáng kể thiệt hại và hỗ trợ quá trình phục hồi hiệu quả sau sự kiện này.

Hình 23: Tăng trưởng thực của doanh thu bán lẻ (YTD, % YoY)



Tăng trưởng thực của doanh số bán lẻ tiếp tục chậm lại đáng kể trong ba tháng qua, đạt 4,6% trong tám tháng đầu năm

Hình 24: Tăng trưởng danh nghĩa doanh số bán lẻ (% YoY)



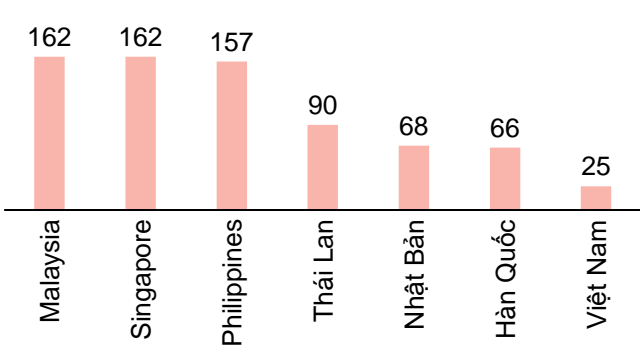
Tăng trưởng thực của doanh số gần đây khiến chúng tôi tương đối quan ngại, khi mô tả một bức tranh ảm đạm về nhu cầu trong nước. Điều này gây ra một số thách thức đối với mục tiêu tăng trưởng kinh tế chung, vì cấu phần tiêu dùng đóng góp hơn một nửa trong tính toán GDP. Tốc độ tăng trưởng thực của doanh số bán lẻ đã chậm lại đáng kể trong ba tháng qua, giảm xuống còn 4,6% trong tám tháng đầu năm. Ở một mức độ nào đó, đây là một tín hiệu đáng báo động, đặc biệt là khi Chính phủ đã thực hiện nhiều chính sách khác nhau để kích thích nhu cầu, ví dụ như giữ mức thuế VAT thấp và cải cách tiền lương khu vực Nhà nước. Tuy nhiên, chúng ta vẫn chưa thấy tác động rõ ràng của những biện pháp này. Trong bối cảnh đó, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã ban hành Chỉ thị số 29/CT-TTg nhằm thúc đẩy nhu cầu trong nước và hỗ trợ sản xuất kinh doanh.

Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Theo Hội đồng tư vấn du lịch, Việt Nam sẽ thu hút 18 triệu lượt khách du lịch quốc tế vào năm 2024 và 25-28 triệu lượt vào năm 2025

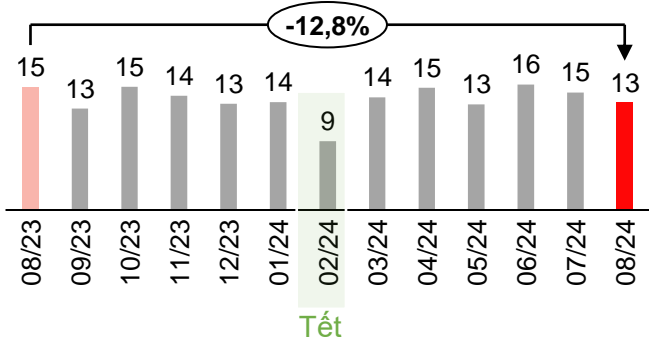
Trong khi đó, tăng trưởng danh nghĩa cũng đang thể hiện bức tranh tương tự ở nhiều ngành, ngoại trừ dịch vụ lữ hành nhờ vào hoạt động du lịch. Như đã đề cập trong báo cáo tháng trước, lượng khách du lịch quốc tế giảm trong những tháng gần đây chủ yếu là do kỳ nghỉ hè. Khi mùa hè sắp kết thúc, chúng ta đã thấy sự cải thiện nhẹ về số lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam vào tháng 8, và chúng tôi kỳ vọng xu hướng tăng này sẽ tiếp tục vào cuối năm. Theo Hội đồng Tư vấn Du lịch, họ dự đoán rằng Việt Nam sẽ thu hút 18 triệu khách du lịch quốc tế trong năm nay, nghĩa là sẽ có thêm 7 triệu khách du lịch trong ba tháng tới. Hơn nữa, họ đặt mục tiêu đón từ 25 đến 28 triệu khách du lịch quốc tế vào năm 2025, tương đương với mức tăng 30-50% so với năm 2024. Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi đánh giá sẽ cần những nỗ lực đáng kể; ví dụ, hiện tại chương trình miễn thị thực của Việt Nam vẫn có vẻ kém khả quan hơn nhiều so với các nước trong khu vực.

Hình 25: Số nước được miễn visa khi nhập cảnh (số quốc gia)



Tốc độ tăng số lượng của các doanh nghiệp tạm thời không hoạt động và ngừng hoạt động cao hơn tốc độ tăng số lượng của các doanh nghiệp mới thành lập và hoạt động trở lại ở cả nền kinh tế nói chung, cũng như các lĩnh vực riêng lẻ

Hình 26: Số lượng doanh nghiệp thành lập mới (nghìn, theo tháng)

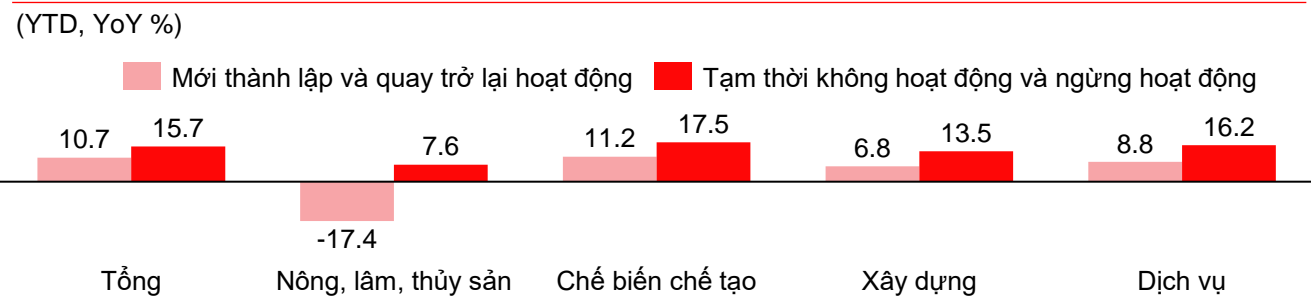


Trong khi phía cung của nền kinh tế vẫn đang phục hồi, phía cầu lại đang xuất hiện một số điểm yếu. Không có gì ngạc nhiên khi thấy bức tranh ảm đạm về tình hình đăng ký kinh doanh. Các số liệu mới nhất cho thấy số lượng doanh nghiệp mới thành lập đã ghi nhận mức tăng trưởng âm cả YoY và MoM. Mặc dù con số tám tháng có vẻ đầy hứa hẹn với mức tăng 4,4% YoY về số lượng doanh nghiệp mới thành lập, nhưng cả vốn đăng ký trung bình hàng tháng, lẫn số lượng việc làm của các doanh nghiệp đều giảm lần lượt 3,6% và 1,9% YoY. Hơn nữa, khi xem xét nền kinh tế nói chung và các lĩnh vực riêng lẻ, tốc độ tăng số lượng của các doanh nghiệp tạm thời không hoạt động và ngừng hoạt động đều cao hơn tốc độ tăng số lượng của các doanh nghiệp mới thành lập và mới hoạt động trở lại. Mặc dù Chính phủ đã thực hiện nhiều chính sách thuế ưu đãi cho doanh nghiệp,...

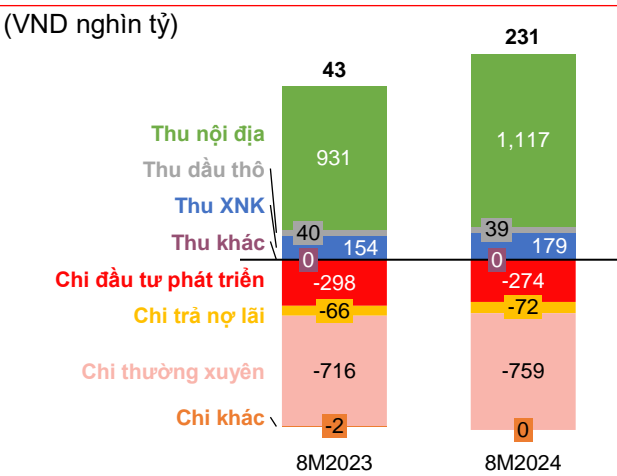
Kinh tế Việt Nam (tiếp)

...như gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất năm 2024 kể từ tháng 6, chúng tôi vẫn hy vọng sẽ có thêm nhiều biện pháp khác để nền kinh tế có thể phục hồi hoàn toàn.

Hình 27: Tốc độ tăng số lượng của các doanh nghiệp mới thành lập và quay trở lại hoạt động so với các doanh nghiệp tạm thời không hoạt động và ngừng hoạt động

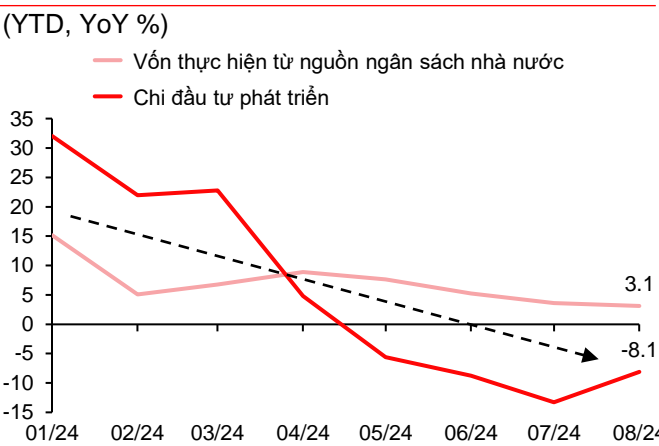


Hình 28: Cán cân ngân sách nhà nước



Thặng dư ngân sách 231,4 nghìn tỷ đồng có thể được hiểu ở 1 góc nhìn khác là từng đó số tiền đã bị rút ra khỏi nền kinh tế

Hình 29: Tăng trưởng đầu tư công



Một nhiệm vụ quan trọng khác mà Chính phủ cần tập trung là đầu tư công. Theo chúng tôi, đây là một trong những yếu tố quan trọng nhất để nền kinh tế Việt Nam có 1 mức tăng trưởng ổn định và bền vững, vì những tác động lan tỏa của nó đến các lĩnh vực khác của nền kinh tế, ví dụ như đến thanh khoản của hệ thống ngân hàng và xu hướng lãi suất. Mặc dù Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, cán cân ngân sách nhà nước lại thường có xu hướng thặng dư trong hầu hết các tháng khi chuyển sang thâm hụt vào tháng 12. Câu chuyện này sẽ phụ thuộc vào cách chúng ta diễn giải dữ liệu: thặng dư đáng kể trong tám tháng đầu năm 2024 có thể chỉ ra rằng nền kinh tế đang hoạt động tốt và nguồn thu của Chính phủ được đảm bảo. Ngược lại, nó cũng có thể cho thấy rằng Chính phủ đang không giải ngân đủ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, việc ngân sách thặng dư 231,4 nghìn tỷ đồng có thể được hiểu là số tiền đó đã bị rút ra khỏi nền kinh tế. Điều này phần nào lý giải một phần tại sao tốc độ tăng trưởng huy động vốn...

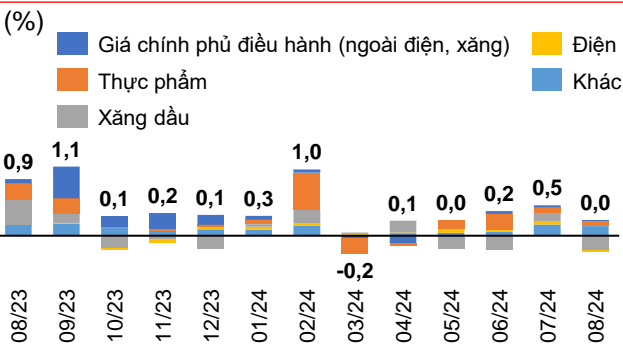
Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Chúng tôi chưa thấy sự phục hồi mạnh mẽ của đầu tư công

... từ đầu năm nay lại thấp bất thường, đặc biệt khi so sánh với cùng kỳ năm 2023, khi thặng dư ngân sách nhà nước lúc đó chỉ bằng 1/5 giá trị của năm nay.

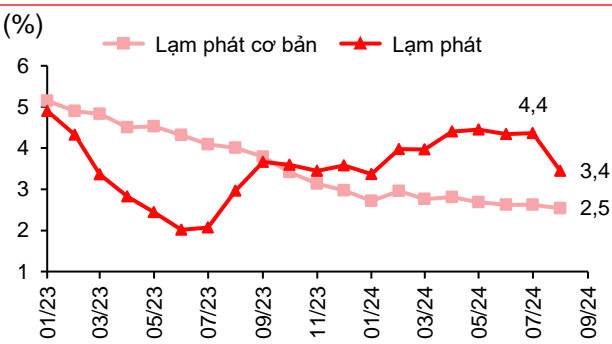
Như đã nêu trong một số các báo cáo trước đây, một chỉ số mà chúng tôi thấy lo ngại là tốc độ giải ngân đầu tư phát triển của Chính phủ. Chúng tôi đã theo dõi chỉ số này ra liên tục trong thời gian gần đây và nhận thấy sự phục hồi của nó vẫn còn yếu. Có hai nguồn dữ liệu đo lường chi tiêu của Chính phủ cho đầu tư: vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước bởi GSO và chi tiêu đầu tư phát triển do Bộ Tài chính báo cáo. Tuy nhiên, cả hai nguồn đều cho thấy sự chậm lại trong giải ngân đầu tư công; một nguồn cho thấy tốc độ tăng trưởng âm, trong khi nguồn còn lại cho thấy tốc độ tăng trưởng YTD so với cùng kỳ năm trước đang giảm trong những tháng gần đây. Trong thời gian tới, chúng tôi hy vọng động thái thúc đẩy mạnh mẽ gần đây của Thủ tướng Chính phủ nhằm tăng cường đầu tư công thông qua Chỉ thị 26/CT-TTg sẽ dẫn đến những thay đổi tích cực.

Hình 30: Đóng góp vào lạm phát MoM



Lạm phát tăng cao từ tháng 4 đến tháng 7 chủ yếu là do mức cơ sở thấp từ năm trước, trong khi tháng 8 chứng kiến mức giảm đáng kể xuống 3,4%, từ mức 4,4% của tháng trước

Hình 31: Lạm phát và lạm phát cơ bản YoY



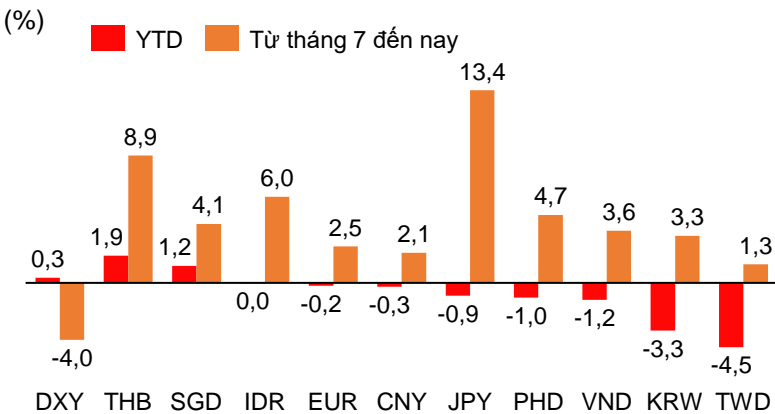
Nếu theo dõi các phương tiện truyền thông thời gian qua, có thể nhận thấy đã có nhiều lo ngại về lạm phát, khi CPI vẫn ở mức gần 4,5%. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn duy trì quan điểm rằng lạm phát cao khó có thể xảy ra vào năm 2024. Như đã đề cập trong các báo cáo trước, lạm phát tăng cao từ tháng 4 đến tháng 7 chủ yếu do nền thấp từ năm trước, vì khi bước sang tháng 8, chỉ số lạm phát đã giảm đáng kể xuống còn 3,4% từ mức 4,4% của tháng trước. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ việc giá xăng giảm mạnh 5,8%, khi mà triển vọng của giá dầu thô toàn cầu còn ảm đạm. Trong thời gian tới, dù thảm họa thiên tai gần đây ở miền Bắc Việt Nam có thể đẩy giá các mặt hàng thực phẩm như rau, trái cây và hải sản lên cao do nguồn cung hạn chế, ...

Kinh tế Việt Nam (tiếp)

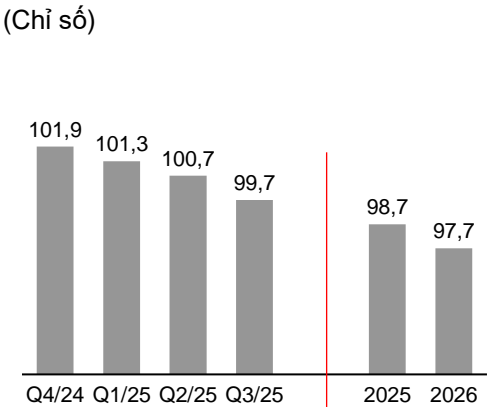
Chúng tôi dự kiến tỷ lệ lạm phát sẽ ở mức khoảng 3% trong tháng còn lại của năm

...chúng tôi đánh giá tác động chung lên lạm phát sẽ không quá lớn, lạm phát sẽ ở mức khoảng 3% trong tháng còn lại của năm. Nguyên nhân chủ yếu là do cú sốc cung chỉ giới hạn ở miền Bắc Việt Nam và dự kiến sẽ không kéo dài, trong khi đó, giá dầu thô toàn cầu đã giảm đáng kể vào đầu tháng 9 này. Ngoài ra, chúng tôi cũng nhận thấy lạm phát cơ bản chậm lại liên tục, có thể do nhu cầu trong nước yếu trong nền kinh tế, như đã được phân tích trước đó.

Hình 32: Các đồng tiền so với USD



Hình 33: Dự báo DXY của Bloomberg



Tỷ giá USD/VND đã giảm mạnh gần đây và dự kiến sẽ biến động trong ngắn hạn do sự bất ổn của thị trường quốc tế. Tuy nhiên, về cuối năm, áp lực mất giá của VND sẽ giảm bớt nhờ kiều hối

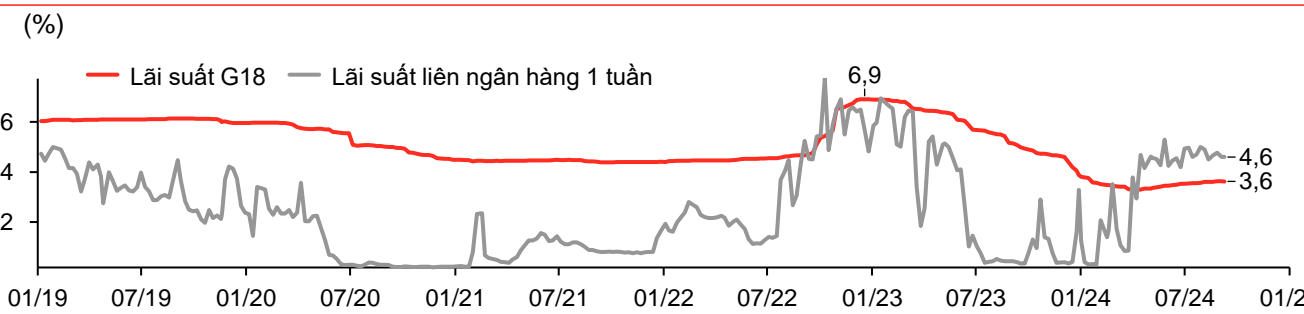
Sự tăng giá gần đây của VND chủ yếu là do đồng USD suy yếu, vì không chỉ VND mà phần lớn các loại tiền tệ khác cũng đã lên giá đáng kể trong hai tháng qua. Mặc dù đã dự đoán được sự tăng giá của VND, như đã lưu ý trong các báo cáo trước đó, chúng tôi thừa nhận cũng đã thấy ngạc nhiên về mức độ lên giá của VND ở giai đoạn này, vì chúng tôi không kỳ vọng DXY mất giá nhanh đến vậy. Ngoài ra, sự lên giá lần này của VND cũng được hỗ trợ bởi chênh lệch lãi suất thấp và kết thúc mùa vụ nhu cầu mua USD cao từ nhập khẩu và chuyển lợi nhuận về nước. Trong những tháng tới, với dự báo của Bloomberg rằng DXY sẽ ổn định ở mức này trong thời điểm cuối năm 2024, tỷ giá USD/VND có thể giữ ổn định. Tuy nhiên, vì tỷ giá USD/VND hiện đang chịu ảnh hưởng rất lớn của DXY nên điều quan trọng cần lưu ý là tỷ giá hối đoái có thể dao động theo cả hai hướng do những bất ổn xung quanh cuộc bầu cử Mỹ vào tháng 11 tới và sức khỏe của nền kinh tế của Mỹ và EU. Về cuối năm, chúng tôi cho rằng áp lực mất giá của VND sẽ được giảm bớt rõ ràng hơn nhờ dòng tiền vào từ kiều hối, đặc biệt là khi Tết Nguyên đán năm 2025 diễn ra sớm hơn năm ngoái.

Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Lãi suất tiền gửi dự kiến sẽ tăng nhẹ vào cuối năm khi nền kinh tế tiếp tục phục hồi

Mặc dù Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) gần đây đã hỗ trợ nhiều cho thanh khoản của hệ thống ngân hàng, bao gồm việc cắt giảm lãi suất OMO và lãi suất phát hành tín phiếu, và sau đó dừng phát hành tín phiếu, lãi suất thị trường liên ngân hàng vẫn bất ngờ duy trì trên 4,5% trong cả tháng 7 và tháng 8. Lý do một phần xuất phát từ thặng dư trong cán cân ngân sách nhà nước, như đã được đánh giá trước đó. Thêm vào đó, việc NHNN bán USD vào đầu năm cũng đã ảnh hưởng đến tăng trưởng tổng tiền gửi, từ đó tạo ra chênh lệch đáng kể giữa tăng trưởng tín dụng và tổng tiền gửi, dẫn đến lãi suất thị trường liên ngân hàng cao. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng tình trạng thắt chặt thanh khoản trên thị trường liên ngân hàng sẽ giảm nhẹ trong thời gian tới. Điều này có khả năng xảy ra khi NHNN tiếp tục cắt giảm lãi suất, sau những lần cắt giảm của Fed và cải thiện trong giải ngân đầu tư công, điều mà chúng tôi kỳ vọng sẽ được thực hiện tốt hơn vào cuối năm. Trong khi lãi suất liên ngân hàng dự kiến sẽ giảm, chúng tôi dự đoán xu hướng ngược lại đối với lãi suất tiền gửi có kỳ hạn. Nguyên nhân là do nhu cầu tín dụng dự kiến sẽ tăng khi nền kinh tế tiếp tục phục hồi, trong khi tăng trưởng tiền gửi có thể vẫn chậm lại. Tuy nhiên, mức tăng của lãi suất tiền gửi sẽ không nhiều.

Hình 34: Lãi suất tiền gửi trung bình cho nhóm G18* có kỳ hạn 6 tháng



Phụ lục

Cập nhật tình hình kinh tế và thị trường tài chính thế giới

Chỉ báo	Quốc gia	Đơn vị	2023	2023				2024							
				09	10	11	12	01	02	03	04	05	06	07	08
Tăng trưởng GDP thực tế	Mỹ	%, YoY, hàng quý		2,90			3,1			2,9			3,1		
	EU	%, YoY, hàng quý		0,0			0,0			0,4			0,3		
	Trung Quốc	%, YoY, hàng quý		4,90			5,2			5,3			4,7		
	Nhật Bản	%, YoY, hàng quý		1,60			1,2			-0,2					
CPI	Mỹ	%, YoY, hàng tháng		3,70	3,24	3,14	3,40	3,1	3,2	3,5	3,4	3,3	3,0	2,9	2,5
	EU	%, YoY, hàng tháng	5,46	4,30	2,90	2,40	2,90	2,8	2,6	2,4	2,4	2,6	2,5	2,6	2,2
	Trung Quốc	%, YoY, hàng tháng		0,00	-0,20	-0,50	-0,30	-0,8	0,7	0,1	0,3	0,3	0,2	0,5	0,6
	Nhật Bản	%, YoY, hàng tháng		3,00	3,30	2,80	2,60	2,2	2,8	2,7	2,5	2,8	2,8	2,8	
Lãi suất chính sách Fed		%, cuối tháng	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50
DXY		Chỉ số, trung bình hàng tháng	103,25	105,28	106,35	104,49	102,69	102,95	104,1	103,7	105,41	104,95	105,17	104,63	102,21
USDCNY		Chỉ số, trung bình hàng tháng	7,08	7,30	7,31	7,22	7,15	7,17	7,19	7,20	7,24	7,23	7,25	7,26	7,15
Lãi suất TPCP Mỹ 10 năm		%, trung bình hàng tháng	3,96	4,38	4,80	4,51	4,05	4,05	4,23	4,21	4,51	4,48	4,31	4,25	3,87
Giá dầu WTI		USD/thùng, trung bình hàng tháng	77,66	89,43	85,47	77,38	72,06	73,86	76,61	80,4	84,4	78,6	78,7	80,48	75,43

Cập nhật tình hình kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam

Chỉ báo	Đơn vị	2023	2023				2024							
			09	10	11	12	01	02	03	04	05	06	07	08
Tăng trưởng GDP thực tế	%, hàng quý, YoY	5,05	5,33			6,72			5,87			6,93		
IIP	%, hàng tháng, YoY	1,50	2,89	4,38	5,79	5,76	18,86	-6,81	4,13	6,30	8,90	10,92	11,23	9,50
Lạm phát	%, hàng tháng, YoY	3,25	3,66	3,59	3,45	3,58	3,37	3,98	3,97	4,40	4,44	4,34	4,36	3,45
Tổng mức bán lẻ	%, hàng tháng, YoY	9,60	7,5	7,0	10,1	9,3	8,1	8,5	9,2	9,0	9,0	9,1	9,4	7,9
FDI đăng ký	tỷ USD, hàng tháng	28,10	2,00	5,20	2,30	5,20	2,2	1,8	1,7	2,6	1,7	3,5	2,2	2,0
FDI giải ngân	tỷ USD, hàng tháng	23,20	2,80	2,10	2,30	2,90	1,5	1,3	1,8	1,7	2,0	2,6	1,7	1,6
Xuất khẩu	tỷ USD, hàng tháng	355,5	30,80	32,50	31,20	32,1	34,5	24,7	33,7	31,1	32,3	34,5	36,8	37,6*
Nhập khẩu	tỷ USD, hàng tháng	327,5	29,10	29,50	29,90	29,6	30,9	23,3	30,9	29,9	32,7	31,2	34,1	33,1*
Cán cân thương mại	tỷ USD, hàng tháng	28,00	1,70	2,90	1,30	2,40	3,6	1,4	2,8	1,2	-0,4	3,0	2,7	4,6*
Tăng trưởng huy động	%, YTD	10,85	6,76	7,09	8,88	13,20	-1,29	-1,70	-0,9	-0,1	0,0			
Tăng trưởng tín dụng	%, YTD	13,50	6,20	7,10	9,15	13,78	-0,68	-0,75	1,42	2,01	3,43	6,10		
Lợi suất TPCP 10 năm	%, trung bình hàng tháng	3,07	2,60	2,90	2,56	2,26	2,25	2,32	2,50	2,78	2,80	2,80	2,79	2,73
Lãi suất liên ngân hàng 1W	%, trung bình hàng tháng	2,60	0,40	1,37	0,71	0,82	0,43	2,53	1,32	4,20	4,55	4,84	4,79	4,64
Lãi suất huy động 6 tháng**	%, trung bình hàng tháng	-3,04	4,90	4,70	4,54	4,19	3,70	3,40	3,37	3,31	3,39	3,49	3,55	3,61
USDVND	trung bình hàng tháng	23.847	24.246	24.488	24.321	24.283	24.476	24.520	24.724	25.153	25.446	25.443	25.370	25.026

Cập nhật dự báo cả năm cho Việt Nam

Chỉ báo	Đơn vị	2023					2024								Forecast
		09	10	11	12	01	02	03	04	05	06	07	08	2024	
Tăng trưởng GDP thực tế	%	5,33			6,72			5,87			6,93				6,50
Lạm phát	%, YoY, bình quân	3,66	3,59	3,45	3,58	3,37	3,98	3,97	4,40	4,44	4,34	4,36	3,45		3,65
Tăng trưởng huy động	%, YTD	6,76	7,09	8,88	13,20	-1,29	-1,70	-0,9	-0,1	0,0					10,10
Tăng trưởng tín dụng	%, YTD	6,20	7,10	9,15	13,78	-0,68	-0,75	1,42	2,01	3,43	6,10				14,00
Tỷ giá USDVND	bình quân	24.246	24.488	24.321	24.283	24.476	24.520	24.724	25.153	25.446	25.443	25.370	25.026		24.875
Lợi suất TPCP 10 năm	%, 10Y, bình quân	2,60	2,90	2,56	2,26	2,25	2,32	2,50	2,78	2,80	2,80	2,79	2,73		2,60
Lãi suất liên ngân hàng 1W	%, bình quân	0,40	1,37	0,71	0,82	0,43	2,53	1,32	4,20	4,55	4,84	4,79	4,64		3,70

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan, VBMA, Reuters, TCB Analysis

Lưu ý:

* Số ước tính

** Bình quân gia quyền của 18 ngân hàng

Số liệu xuất nhập khẩu tháng gần nhất theo Tổng cục thống kê, các tháng trước đó theo Tổng cục hải quan

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này (“**Báo cáo**”) do Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) soạn thảo nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Khách hàng của Techcombank. Khách hàng có thể sao chép hoặc trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hay toàn bộ Báo cáo này với điều kiện việc sao chép, trích dẫn phải tôn trọng, đảm bảo giữ đúng nội dung và ghi chú rõ ràng nguồn thông tin Báo cáo. Khách hàng chịu mọi trách nhiệm về việc sao chép, trích dẫn của mình cũng như các nội dung sao chép, trích dẫn không tuân thủ nguyên tắc nêu trên.

Báo cáo này được xây dựng dựa trên các ý kiến chuyên nghiệp được đưa ra một cách cẩn trọng, độc lập và căn cứ vào các nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào ngày ban hành Báo cáo này. Tuy nhiên, mọi nhận định trong báo cáo này chỉ là ý kiến riêng Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính, không đại diện cho ý kiến của Ban lãnh đạo Ngân hàng và cũng hoàn toàn không có định hướng nào về kết quả hoạt động của Techcombank. Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính không cam kết và bảo đảm về sự chính xác, kịp thời, hoàn chỉnh và ổn định của các thông tin trong báo cáo dưới bất kỳ tình huống nào, cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin sau khi báo cáo được phát hành.

Báo cáo này không phải là và không được coi là hoạt động tư vấn hoặc là các khuyến nghị hoặc ý kiến tư vấn đầu tư, tài chính, tư vấn mua, bán bất kỳ sản phẩm nào hoặc tư vấn cho bất cứ hoạt động kinh doanh nào và không nhằm mục đích phục vụ lợi ích của bất kỳ cá nhân/tổ chức nào, bao gồm cả Techcombank và/hoặc các chi nhánh và công ty con của Techcombank. Khách hàng được khuyến cáo nên coi những thông tin được cung cấp trong báo cáo như là một nguồn thông tin tham khảo và Khách hàng nên sử dụng dịch vụ tư vấn, luật sư chuyên nghiệp khi đưa ra các quyết định kinh doanh, đầu tư của mình. Techcombank, tác giả báo cáo, lãnh đạo và/hoặc nhân viên của Techcombank không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với bất cứ cá nhân, tổ chức nào liên quan đến báo cáo này trong bất kỳ tình huống nào.

Nếu khách hàng có bất kỳ bình luận, câu hỏi hoặc mối quan tâm đặc biệt nào về các thông tin đề cập trong báo cáo xin liên hệ với chúng tôi theo thông tin liên hệ sau:

Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính
Khối Ngân hàng Doanh nghiệp và Định chế Tài chính

TECHCOMBANK

Địa chỉ: 6 Quang Trung, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: Tckh.ptkt@techcombank.com.vn

Website: <https://techcombank.com/thong-tin/nguyen-cuu>